

Số: 46/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Trung, ngày 08 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T.

2. *Bị đơn*: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/4/2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Th và chị Ngô Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về con chung**: Anh Th và chị T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Bùi Thị Vân A, sinh ngày 10/12/2012 và cháu Bùi Thị Yến N, sinh ngày 15/11/2015. Anh Th và chị T thoả thuận, anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến N, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vân A, anh Th và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Anh Th, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Th, chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

**Về tài sản:** Anh Th và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về án phí:** Anh Th và chị T thỏa thuận, anh Th chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004530 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Trả lại cho anh Bùi Văn Th 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trịnh Thanh Hương**